

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
T ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, T Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, T Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, T Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1530/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q, sinh năm 1982

Thường trú: Thôn A, xã X, huyện N, T Ninh Thuận.

Nơi cư trú hiện nay: 189/38, khu phố A, phường H, thành phố B, T Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1977

Thường trú: Ấp 5, xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, T Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: 189/38, khu phố A, phường H, thành phố B, T Đồng Nai.

(Bà Q và ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, T Ninh Thuận. Cuộc

sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, ông T không chăm lo tới cuộc sống gia đình, thường hay đánh bà. Ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay. Bà Q nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hoàng Ngọc T.

- Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung là Hoàng Nhật V, sinh ngày 27/6/2014. Khi ly hôn, bà Q xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng. Hiện nay, bà Q đang làm công nhân tại Công ty Pouchen, thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000đồng – 12.000.000đồng, bà có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Q và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Q và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa – Bị đơn ông Hoàng Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn. Ông T và bà Q tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, T Ninh Thuận. Cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn bình thường, đôi lúc có xảy ra cãi vã do cuộc sống vợ chồng còn nhiều khó khăn, ông T có uống rượu thì bà Q dừng nói gì để khi ông T tảo thì nói sau, nhưng bà Q hay nói qua nói lại nên trong lúc nóng giận ông bà có xảy ra cãi nhau và ông có tát bà Q một hai cái và Công an phường H phải tới giải quyết một vài lần. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý vì ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay, ông đã cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành.

Về con chung: Ông T và bà Q có 01 con chung là Hoàng Nhật V, sinh ngày 27/6/2014. Nếu ly hôn, ông T xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng. Hiện nay, ông T đang làm công nhân tại Công ty Pouchen, thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000đồng – 12.000.000đồng, ông có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, bà Q hiện đang phải một mẹ ruột và một bà ngoại và một con gái riêng tuy đã trưởng thành nhưng vẫn còn đang đi học nên phải chu cấp thêm. Ông T muốn được nuôi con để con có điều kiện phát triển tốt nhất và giảm bớt gánh nặng cho bà Q.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn

kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q, cho bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q được ly hôn với ông Hoàng Ngọc T.

- Về quan hệ con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung là Hoàng Nhật V, sinh ngày 27/6/2014. Khi ly hôn, giao cho bà Q được nuôi con, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng do bà Q không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Ngọc T; khi ly hôn, bà Q xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng; ông T không đồng ý, ông T xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng. Căn cứ vào Điều 56 và 81 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, con chung”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q là nguyên đơn còn ông Hoàng Ngọc T là bị đơn trong vụ án.

- Theo Đơn xác nhận tạm trú, Biên bản xác minh tại Công an phường H, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, xác định ông Hoàng Ngọc T có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 189/38, khu phố A, phường H, thành phố B, T Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, T Đồng Nai.

- Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, tại phiên tòa các đương sự có mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông T tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, T Ninh Thuận. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, ông T không chăm lo tới cuộc sống gia đình, thường hay đánh bà Q, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với ông T. Theo Điều 19 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo Biên bản xác minh ngày 04/11/2021 tại Ủy ban nhân dân phường H, kết hợp Biên bản xác minh ngày 08/11/2021 của Công an phường H thể hiện: “Trong quá trình sinh sống, bà Q và ông T thường xảy ra cãi vã, xô xát, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và Công an phường phải can thiệp giải quyết. Bà Q và ông T sống ở hai phòng riêng trong cùng một dãy trọ... Bà Q sống cùng mẹ ruột và con, còn ông T sống một mình”.

Tại phiên tòa, ông T xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với bà Q. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung là Hoàng Nhật V, sinh ngày 27/6/2014. Khi ly hôn, bà Q xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng. Ông T cũng xin nhận nuôi con, tạm thời không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng.

Xét thấy, theo xác minh tại Công an phường H thì thời điểm trước khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, bà Q sống cùng phòng trọ với mẹ ruột và cháu V, còn ông T sống một mình ở phòng trọ khác; cháu V còn nhỏ vẫn do bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thường xuyên. Khi dịch bệnh Covid-19 tại địa phương diễn biến phức tạp, ông T và bà Q gửi cháu V về quê sống cùng với bà ngoại của bà Q, việc này được cả ông T và bà Q thừa nhận, đồng thời thống nhất yêu cầu Tòa án không ghi nhận ý kiến của cháu V để đảm bảo phòng, chống dịch bệnh cho cháu. Ngoài ra, hiện nay bà Q và ông T cùng làm công nhân tại công ty Pouchen, thu nhập ổn định nhưng bà Q sống cùng mẹ ruột nên có điều kiện và sự hỗ trợ tốt hơn so với ông T trong việc chăm sóc con. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt, cũng như sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho cháu V, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cháu V cho bà Q chăm sóc, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Q không yêu cầu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung : Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 207, Điều 227, Điều 246, Điều 266 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;
- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q và ông Hoàng Ngọc T.

Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung là Hoàng Nhật V, sinh ngày 27/6/2014. Khi ly hôn, giao cho bà Q được nuôi con, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng do bà Q không yêu cầu.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001834 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Đạo Thị Mỹ Nữ Kim Q và ông Hoàng Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã X,
- huyện N, T Ninh Thuận;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Phương